

HIỆU QUẢ CHO VAY CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ TẠI QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG

Lending effectiveness of microfinance institutions at Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Trần Bảo Ngọc¹

¹Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
bngoc66@gmail.com

Tóm tắt — Hoạt động cho vay tài chính vi mô tại Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn 2020 - 2022 đã đạt được một số kết quả tích cực như: Có sự tăng trưởng qua dư nợ cho vay trong tổng dư nợ, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu trong cho vay khách hàng luôn nằm ở mức an toàn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế nhất định. Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá và đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay của tài chính vi mô giai đoạn 2023 – 2025.

Abstract — Microfinance lending activities at Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development in the period of 2020 - 2022 have achieved some positive results such as: there was a growth through outstanding loans in the total balance, the ratio of overdue debt and bad debt in customer loans are always at a safe level. However, there are still certain limitations. Therefore, the study was conducted to evaluate and propose some solutions to improve the lending efficiency of microfinance in the period of 2023 - 2025.

Từ khóa — Hiệu quả cho vay (Lending effectiveness), Tài chính vi mô (Microfinance).

1. Sự cần thiết của đề tài

Hoạt động tài chính vi mô tại Việt Nam đã hình thành từ lâu, đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính (tín dụng, tiết kiệm, tư vấn, đào tạo...) của người nghèo/người thu nhập thấp, giúp họ có được nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, qua đó thúc đẩy công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, hạn chế nạn cho vay nặng lãi đặc biệt tại khu vực nông thôn.

Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang (tên viết tắt là Quỹ MOM) là một trong những quỹ xã hội tham gia hoạt động tài chính vi mô (TCVM) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Quỹ MOM hoạt động trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giúp cho người nghèo, người kém may mắn, vùng sâu vùng xa đặc biệt là phụ nữ; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ cho cộng đồng và tài trợ cho các chương trình dự án nhằm mục đích nhân đạo, từ thiện khác. Qua hơn 12 năm hoạt động, Quỹ MOM đã triển khai nguồn vốn cho vay tại 100% xã/phường/thị trấn, với 06 Điểm giao dịch phủ 11/11 huyện/thành phố/thị xã, dư nợ cho vay trên 369 tỷ đồng, tỉ lệ nợ quá hạn duy trì dưới 0,36%. Thông qua các sản phẩm dịch vụ tài

chính, phi tài chính và an sinh xã hội, Quỹ MOM đã và đang hỗ trợ hơn 40.000 phụ nữ nghèo phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ nghèo. Mặc dù, Quỹ MOM đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trên, nhưng hiệu quả cho vay tại Quỹ vẫn còn hạn chế nhất định, doanh số cho vay tăng trưởng không đồng đều qua các năm, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu đang có xu hướng tăng.

2. Hiệu quả cho vay tại tổ chức tài chính vi mô

2.1. Khái niệm

Theo Hà Văn Dương (2019), hiệu quả là những kết quả sử dụng các nguồn lực để đạt được những mục tiêu đã định trước. Thuật ngữ hiệu quả được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, xã hội. Hiểu theo nghĩa rộng, hiệu quả thể hiện mối quan hệ giữa kết quả đầu ra thu được so với các yếu tố đầu vào được sử dụng để tạo ra những kết quả theo dự tính. Hiệu quả hoạt động TCVM là những kết quả đạt được trong việc sử dụng nguồn lực của tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM để cung cấp dịch vụ tài chính vi mô phục vụ sản xuất,

kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống cho người nghèo, người có thu nhập thấp và các doanh nghiệp siêu nhỏ nhằm đạt được mục tiêu cân bằng trách nhiệm xã hội, khả năng sinh lời và bền vững tài chính của tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM.

Hiệu quả cho vay của tổ chức TCVM được đánh giá trên hai khía cạnh:

- Thứ nhất, đứng góc độ của tổ chức TCVM, phải thu được gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo đúng cam kết giữa khách hàng và tổ chức TCVM. Bên cạnh đó, theo thời gian còn thể hiện sự tăng trưởng doanh số cho vay và dư nợ cho vay-phản ánh sự phát triển/mở rộng hoạt động cho vay của tổ chức TCVM.
- Cho vay đúng đối tượng (khách hàng có sức lao động, có khả năng sản xuất kinh doanh nhưng thiếu vốn, được xác định trên cơ sở bình xét dân chủ, công khai...), vốn vay sử dụng đúng mục đích.
- Thứ hai, đứng góc độ người đi vay, tiếp cận nguồn vốn vay của tổ chức TCVM, đáp ứng nhu cầu vốn hợp lý của người vay về mức vay/số lượng tiền vay, thời hạn, lãi suất...
- Khách hàng vay phát triển kinh tế, gia tăng thu nhập vươn lên thoát khỏi đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đồng thời, hoàn trả gốc và lãi cho tổ chức TCVM đúng hạn, đầy đủ.

2.2. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả cho vay tại các tổ chức tài chính vi mô

Đối với khách hàng vay (người nghèo và doanh nghiệp siêu nhỏ): Đối với người nghèo nâng cao hiệu quả cho vay sẽ giúp nhiều người nghèo thoát nghèo, cải thiện cuộc sống. Hoạt động của tổ chức TCVM, đi đôi với việc cung cấp dịch vụ tín dụng, tiết kiệm, bảo hiểm, các dịch vụ tài chính khác, còn cung cấp các dịch vụ phi tài chính: quản lý tài chính và rủi ro, hướng dẫn chăn nuôi, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường... đã mở ra cánh cửa thoát nghèo cho người dân và dịch vụ này đã được người nghèo đánh giá rất cao. Cho vay của tổ chức TCVM còn giúp cho các doanh nghiệp siêu nhỏ có cơ hội tồn tại và phát triển trước

“sóng to, gió lớn” của sự cạnh tranh trong kinh doanh.

Đối với các tổ chức TCVM: Nâng cao hiệu quả cho vay khách hàng nghèo, tổ chức TCVM đã thực hiện được mục tiêu kinh tế và an sinh xã hội đặt ra, chuyển tải nguồn vốn cho vay đến hộ nghèo đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống và giúp khách hàng thoát nghèo, doanh nghiệp siêu nhỏ tồn tại và ngày càng lớn mạnh. Đối với tổ chức TCVM bảo toàn được nguồn vốn, duy trì được hoạt động ổn định và liên tục phát triển.

Đối với nền kinh tế: Nâng cao hiệu quả cho vay tại các tổ chức TCVM góp phần thực hiện công bằng xã hội, góp phần chuyển dịch kinh tế nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó còn góp phần giúp nhiều người nghèo, người khó khăn được tiếp cận nguồn vốn vay của tổ chức TCVM, làm giảm tệ nạn cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội cũng như tăng cường vai trò quản lý của chính quyền địa phương.

2.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu trước

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Cúc (2019) với đề tài "Quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại chi nhánh Nam Trực – Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tỉnh thương". Nghiên cứu đã trình bày có hệ thống cơ sở lý luận chung về quản lý hoạt động cho vay vốn đối với khách hàng cá nhân của tổ chức tài chính vi mô, nêu rõ quan điểm và nội dung về quản lý cho vay đối với khách hàng cá nhân của Tổ chức Tài chính vi mô. Trên cơ sở lý luận tác giả tiến hành đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại Chi nhánh Nam Trực – Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tỉnh thương như: Thực hiện đúng quy trình chính sách trong hoạt động cho vay khách hàng cá nhân; nâng cao chất lượng kiểm tra kiểm soát hoạt động cho vay khách hàng cá nhân.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Cường (2017) với đề tài "Phát triển dịch vụ tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm". Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ tài chính vi

mô của Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm. Dựa vào các tiêu chí về độ sâu tiếp cận, độ rộng tiếp cận, tỷ suất sinh lời và tính bền vững tài chính để đánh giá sự phát triển dịch vụ TCVM của Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp và kiến nghị để cho dịch vụ TCVM tại Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm được phát triển trong đó có giải pháp bảo đảm năng lực tài

chính của Quỹ, thể hiện thông qua hoạt động quản lý vốn hiệu quả, quản lý hiệu quả cho vay để đảm bảo an toàn nguồn vốn hoạt động, quản lý chi phí, lợi nhuận.

3. Thực trạng hiệu quả cho vay tổ chức tài chính vi mô tại Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2022

3.1. Tăng trưởng quy mô cho vay

Bảng 1. Tăng trưởng về khách hàng, doanh số cho vay, dư nợ cho vay của Quỹ MOM

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Năm Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2020	2021	2022	So sánh 2021/2020		So sánh 2022/2021	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)	Tuyệt đối	Tương đối (%)
Khách hàng	Người	42.941	40.836	38.346	-2.105	(4,90)	-2.490	(6,10)
Doanh số cho vay	Triệu đồng	521.427	493.464	529.374	-27.963	(5,36)	35.910	7,28
Dư nợ cho vay	Triệu đồng	354.095	365.685	360.856	11.590	3,27	-4.829	(1,32)

Qua bảng 1 tỷ lệ tăng trưởng khách hàng cho vay của Quỹ MOM từ năm 2020 đến 2022 đang có xu hướng giảm qua các năm. Năm 2021 số lượng khách hàng vay vốn giảm 4,9% so với năm 2020; năm 2022 số lượng khách hàng vay vốn giảm 6,1% so với năm 2021. Doanh số cho vay của Quỹ MOM từ năm 2020 đến 2022 có tăng trưởng nhưng không đồng đều qua các năm. Năm 2021 doanh số cho vay

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ MOM giảm 5,36% so với năm 2020; năm 2022 doanh số cho vay tăng 7,28% so với năm 2021. Tăng trưởng dư nợ của Quỹ MOM giai đoạn 2020 - 2022 khá thấp và đang có hướng sụt giảm: năm 2021 tốc độ tăng trưởng dư nợ ở mức 3,27% so với năm 2020 và năm 2022 Quỹ đã có hướng sụt giảm dư nợ giảm 1,32% so với năm 2021.

3.2. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu

Bảng 2. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của Quỹ MOM

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Năm Chỉ tiêu	2020	2021	2022
1. Tổng dư nợ	354.095	365.685	360.856
2. Dư nợ quá hạn	290,3	500,9	1.296,1
3. Dư nợ xấu	259,9	500,9	1.225,6
4. Tỷ lệ nợ quá hạn (= 2/1)	0,08	0,14	0,36
5. Tỷ lệ nợ xấu (= 3/1)	0,03	0,03	0,03

Bảng 2 nợ quá hạn của Quỹ MOM đang tăng dần qua các năm. Dư nợ quá hạn của năm 2022 đã tăng khoảng 1 tỷ đồng so với năm 2020, tỷ lệ nợ quá hạn cũng tăng từ 0,08% lên 0,36% trong khoảng thời gian 2020 - 2022. Tổng nợ xấu của Quỹ MOM tăng theo từng năm từ 259,9 triệu của năm 2020 tăng lên 1225,6 triệu của năm 2022. Nguyên nhân

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ MOM trong năm 2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 toàn cầu, dẫn đến nguồn cung cầu thị trường tạm thời bị đình trệ, ảnh hưởng nhiều đến đối tượng khách hàng vay sản xuất kinh doanh. Qua đó đã làm gia tăng tỷ lệ khách hàng chậm trả nợ, hoặc giảm khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, nợ quá hạn tăng do thời điểm 30/6/2022 là kết thúc việc gia hạn

nợ cho khách hàng khó khăn do dịch bệnh theo Thông tư số 14/2021/TT-NHNN, một số

khách hàng gia hạn nợ tiếp tục gặp khó khăn và chuyển sang nợ quá hạn.

3.3. Tỷ lệ thu lãi cho vay

Bảng 3. Tỷ lệ thu lãi cho vay so với tổng lãi đến hạn phải thu của Quỹ MOM

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu \ Năm	2020	2021	2022
1. Tổng lãi thu được	54.790	49.625	56.718
2. Tổng lãi đến hạn phải thu	54.814	49.674	56.855
3. Tỷ lệ lãi đã thu so với lãi đến hạn phải thu (%)	99,96	99,90	99,76

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ MOM

Từ bảng 3 tỷ lệ thu lãi cho vay so với tổng lãi đến hạn phải thu của Quỹ MOM giai đoạn năm 2020 - 2022 xu hướng giảm từ 99,96% của năm 2020 còn 99,76% năm 2022 nhưng tỷ lệ thu lãi vẫn trên 99%, điều này chứng tỏ mặc dù có những khó khăn nhất định trong giai đoạn kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid nhưng

Quỹ vẫn đảm bảo được hiệu quả cho vay. Bên cạnh đó, tỷ lệ này cho thấy quy trình cấp tín dụng cũng như công tác thẩm định của các nhân viên tín dụng Quỹ luôn thực hiện nghiêm túc, việc xem xét cho vay đối với những khoản vay rủi ro cao luôn được chú trọng.

3.4. Cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn

Bảng 4. Cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn của Quỹ MOM

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu \ Năm	2020		2021		2022	
	Dư nợ	Tỷ trọng (%)	Dư nợ	Tỷ trọng (%)	Dư nợ	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ cho vay	354.096	100	365.685	100	360.855	100
Nợ ngắn hạn	132.900	37,5	126.121	34,5	121.310	33,6
Nợ trung hạn	221.196	62,5	239.564	65,5	239.545	66,4
Nợ dài hạn	0	0,0	0	0,0	0	0,0

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ MOM

Dựa vào bảng 4 trong tổng dư nợ tín dụng của Quỹ tỷ trọng dư nợ cho vay trung hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, kế đến là tỷ trọng dư nợ cho vay ngắn hạn và tỷ trọng dư nợ cho vay dài hạn không phát sinh trong giai đoạn 2020-2022. Bên cạnh đó xét về xu hướng: tỷ trọng dư nợ cho vay trung hạn tăng dần qua các năm 2020 - 2022 (62,5%; 65,5%; 66,4%) và ngược lại với tỷ trọng dư nợ cho vay ngắn hạn giảm dần qua các năm. Điều này cho thấy xu hướng khách hàng đang dần chuyển sang chọn thời hạn vay dài hơn (trên 1 năm và dưới 5 năm) để mức hoàn trả vốn, lãi phù hợp với tình hình kinh tế đang khó khăn cũng như việc khách hàng cũ khi đáo hạn sẽ tăng mức vốn vay. Việc tăng mức vốn vay đi kèm với thời hạn cho vay dài hơn sẽ giúp mức tiền hoàn trả vốn, lãi hằng tháng sẽ phù hợp với những khách hàng đang khó khăn.

4. Đánh giá hiệu quả cho vay tài chính vi mô khách hàng cá nhân tại Quỹ MOM

4.1. Kết quả đạt được

Doanh số cho vay của Quỹ tăng nhẹ qua các năm từ 521.427 triệu đồng lên 529.374 triệu đồng trong giai đoạn 2020 - 2022. Dư nợ tín dụng cho vay của Quỹ tăng nhẹ qua các năm từ 354.095 triệu đồng năm 2020 lên 360.856 triệu đồng năm 2022. Điều này cho thấy hoạt động cho vay của Quỹ ngày càng đáp ứng được nhu cầu vốn vay cho phụ nữ nghèo, khó khăn.

Tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát: Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn của Quỹ tuy có tăng trong tình hình kinh tế bị ảnh hưởng và phục hồi sau đại dịch Covid-19 nhưng vẫn luôn ở mức thấp (tỷ lệ nợ xấu trong mức quy định của Ngân hàng Nhà nước $\leq 3\%$) cho thấy chất lượng tín dụng cho vay của Quỹ

khá cao. Tỷ lệ thu lãi cho vay so với tổng lãi đến hạn phải thu của Quỹ MOM giai đoạn năm 2020 - 2022 tuy có xu hướng giảm từ 99,96% của năm 2020 còn 99,76% năm 2022 nhưng tỷ lệ thu lãi vẫn trên 99%.

Cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn trong giai đoạn 2020 - 2022 tương đối hợp lý, trong tổng dư nợ tín dụng của Quỹ tỷ trọng dư nợ cho vay trung hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, kế đến là tỷ trọng dư nợ cho vay ngắn hạn và tỷ trọng dư nợ cho vay dài hạn không phát sinh trong giai đoạn 2020 - 2022 cho thấy Quỹ vẫn đang tập trung thực hiện đúng sứ mệnh đã đề ra từ năm 2010 “Luôn đồng hành cùng phụ nữ nghèo cải thiện cuộc sống”, các khoản vay được cung cấp phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong thời gian ngắn tạo ra thu nhập để nhằm mục đích từng bước cải thiện điều kiện sống của người nghèo đặc biệt là phụ nữ nghèo.

4.2. Hạn chế còn tồn tại

Hoạt động cho vay của Quỹ MOM phát triển không đều qua các năm 2020, 2021 và 2022. Doanh số cho vay và Dư nợ cho vay tăng trưởng không ổn định. Tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn nghiên cứu tuy trong tầm kiểm soát của Quỹ nhưng xu hướng tăng dần.

Chất lượng hợp cùm của một số cùm/nhóm còn thấp và hoạt động chưa được quan tâm đúng mức. Về triển khai công tác khâu kiểm soát đối với các khách hàng đi làm ăn tại một số địa phương khác còn chưa sát sao, dẫn đến tình trạng một số khoản vay không tìm được người vay để thu nợ.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay của tổ chức tài chính vi mô tại Quỹ MOM giai đoạn 2023 - 2025

5.1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chính sách, quy trình tín dụng

Quy trình quản lý nợ vay cần được quản lý chặt chẽ để chủ động trong việc theo dõi, đôn đốc khách hàng trả nợ vay đúng hạn và lường trước mọi biến động từ phía khách hàng. Để từ đó có các biện pháp xử lý kịp thời, tránh rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, nhân viên tín dụng cần thường xuyên kiểm tra, kiểm soát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng từ khi vay đến khi thu được nợ, không để xảy ra

tình trạng khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất của khách hàng để nắm được những khó khăn mà khách hàng đang gặp phải để có biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp khách hàng vượt qua khó khăn.

5.2. Nâng cao chất lượng nhân viên tín dụng, chất lượng thẩm định

Nhân viên tín dụng yêu cầu phải có trình độ chuyên sâu về nghiệp vụ tín dụng, nắm rõ bản chất của từng phương thức cho vay, lãi suất và các nhân tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định cho vay. Bên cạnh đó, cán bộ tín dụng vì là người trực tiếp thẩm định khách hàng nên việc thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo những chuyên đề liên quan thẩm định là rất cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng thẩm định toàn hệ thống góp phần giảm tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu xảy ra.

Quỹ cần đẩy mạnh phong trào thi đua, nâng cao trình độ của cán bộ tín dụng của từng Điểm giao dịch và cán bộ toàn Quỹ như bồi dưỡng kiến thức mới, kỹ năng giao tiếp, quy tắc ứng xử/đạo đức nghề nghiệp, phòng chống tham nhũng và kiểm soát; nâng cao chất lượng dịch vụ về giải ngân thu ngân, tổ chức thi nhân viên tín dụng giỏi, nâng cao năng lực quản trị, điều hành đảm bảo hoạt động bền vững, an toàn, hiệu quả; tuyển dụng ứng cử viên có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt, nâng cao khả năng cạnh tranh của Quỹ MOM. Thông qua việc thường xuyên tổ chức các cuộc thi nhằm khuyến khích các cán bộ thực hiện tốt công việc của họ, đặc biệt chú ý đến công tác khen thưởng cũng như các chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho những thành tích lao động của toàn thể cán bộ công nhân viên. Đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cán bộ công nhân viên trau dồi kiến thức chuyên môn, học tập để nâng cao trình độ và có những sáng kiến trong lao động.

5.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát tín dụng

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát hàng quý, hàng năm. Nhắc nhở và tạo điều kiện để các thành viên quan tâm sâu sát đối với hoạt động kiểm tra, trên cơ sở và xây dựng lộ trình chi tiết cho kế hoạch

kiểm tra giám sát hàng năm của Ban kiểm soát, Hội phụ nữ của địa phương. Duy trì quản lý kiểm soát đạt được mức chấp nhận được trong khi thị trường và sản phẩm phức tạp đòi hỏi phải liên tục phát triển chức năng kiểm soát và sự tuân thủ ở cấp cơ sở. Việc nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ, đào tạo quy trình nội bộ và chính sách đã ban hành của Quỹ MOM là công tác trọng tâm của giai đoạn 2023-2025. Mục đích chính là tăng cường tính chuyên nghiệp của Quỹ MOM trong tất cả hoạt động nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro có thể xảy ra.

5.4. Củng cố vai trò của các cụm/nhóm

Sắp xếp lại hoạt động của cụm/nhóm còn chưa phù hợp hoặc hoạt động yếu kém về năng lực lãnh đạo, quản lý của cụm trưởng, chất lượng tín dụng thấp, nợ quá hạn cao. Đôn đốc các cụm/nhóm duy trì sinh hoạt, tránh hoạt động hình thức. Kiện toàn lại những cụm/nhóm còn số thành viên quá quy định. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ chứng từ, ghi chép sổ sách, theo dõi hoạt động thu nợ, thu lãi của cụm/nhóm.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn để nâng cao chất lượng của công tác tín dụng từ khâu thành lập cụm/nhóm, bình xét vay vốn đến khâu quản lý, theo dõi thu lãi, thu nợ. Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ, phổ biến chính sách tín dụng cho các hội phụ nữ các cấp và kết hợp với tổ chức hội tổ chức đào tạo nghiệp vụ, thực hiện cơ chế lồng ghép các chương trình tín dụng với chương trình chuyển giao công nghệ sản xuất kinh doanh và các chương trình khác. Nâng cao chất lượng của cụm trưởng; kiên quyết thay đổi cụm trưởng trong trường hợp không làm tròn trách nhiệm, không thực hiện hợp đồng thỏa thuận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Kim Anh (2017). *Sản phẩm Dịch vụ Tài chính vi mô: Thực trạng và giải pháp phát triển*. Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam.
- [2] [Nguyễn Thị Cúc. (2019). *Quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại chi nhánh Nam Trục - Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tỉnh thương*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- [3] Nguyễn Văn Cường (2017). *Phát triển dịch vụ tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
- [4] Nguyễn Đăng Dòn. (2016). *Quản trị kinh doanh ngân hàng II*. Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Hà Văn Dương. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng vi mô. *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, Số 15/2019.
- [6] Ngân hàng Nhà nước (2016). *Thông tư 39/2016/NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*.
- [7] Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang. (2023). *Báo cáo kết quả hoạt động các năm 2020, 2021 và 2022*.
- [8] Nguyễn Huyền Trâm (2020). *Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương.
- [9] Trương Quang Thông và Vũ Đức Cẩn (2017). *TCVM tại Việt Nam: Thực trạng hoạt động và các hàm ý chính sách bảo cáo nghiên cứu*.

Ngày nhận: 01/6/2023

Ngày phản biện: 04/1/2024

Ngày duyệt đăng: 28/1/2024